TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-PT
Ngày: 30 - 3 -2024
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Mến

2. Ông Đặng Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLPT–DS, ngày 28/02/2024 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp chia tài sản chung*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐ-PT, ngày 05/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi ở hiện tại: Ấp C, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh L – Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Hiếu N, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 05 năm 2023) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Đ – Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

- *Người có quyền lợi và quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Chổ ở: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Huỳnh Thị Kim P1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Kim P1: Ông Đỗ Hiếu N, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2023) (có mặt).

3. Ông Ngô C, sinh năm 1960 (vắng mặt).

4. Anh Ngô Hoàng N1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

5. Chị Ngô Huỳnh N2, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Phòng G (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Ngân hàng Đ1 – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Tấn P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Tấn P trình bày:

Cụ Huỳnh K (1943 – 2021) và cụ Sơn Thị T1 (1946 – 2014) có 03 người con gồm: Huỳnh Thị Kim P1, Huỳnh Ngọc H, Huỳnh Tấn P. Khi còn sống cụ K, cụ T1 có 28 công đất ruộng, một thửa đất ở và cây lâu năm tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, Trà Vinh. Trước khi chết cụ T1 đã phân chia đất cho ba người con mỗi người một nền nhà và một phần đất ruộng, cụ thể phần bà P1 là 14 công ruộng; phần ông với bà H mỗi người 07 công đất ruộng thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 3 do bà Huỳnh Ngọc H đại diện đứng tên quyền sử dụng đất. Ông được chia một nền nhà cặp Quốc lộ 54 diện tích 248,7 m^2 thửa số 169 tọa lạc ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2014, vợ chồng bà H có ý định mua máy cắt nhưng không đủ tiền nên thỏa thuận mượn quyền sử dụng đất của ông để thế chấp ngân hàng. Ông đồng ý cho bà H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng, sau năm năm bà H sẽ trả lại quyền sử dụng đất cho ông. Tuy nhiên khi hết thời gian

mượn thì bà H không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất cho ông. Ngày 11/3/2022 ông đưa ra 350.000.000 đồng chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngân hàng và yêu cầu bà H sang tên lại 02 thửa đất 169 và 53 cho ông nhưng bà H không đồng ý. Nay ông yêu cầu bà Huỳnh Ngọc H và ông Lê Văn T trả lại quyền sử dụng đất thửa 169, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 248,7 m^2 và yêu cầu được hưởng thừa kế diện tích 7000 m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 53, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Ngọc H trình bày:

Cụ Sơn Thị T1 có để lại di sản là thửa đất 53, tờ bản đồ số 3, diện tích 14.140 m^2 tọa lạc ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cụ T1 chết, bà H, bà P1 và ông P có làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thửa 53 và 03 người đồng đứng tên sở hữu thửa đất này. Năm 2015, ông P và bà P1 đã thực hiện hợp đồng tặng cho bà H thửa đất số 53, việc tặng cho lại quyền sử dụng đất không có đặt ra điều kiện.

Đối với thửa 169, tờ bản đồ 12 do ông Huỳnh Tấn P đã cầm cho bà Trần Thị Mộng T2 bằng hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà H bỏ tiền ra chuộc thửa đất trên. Thời gian sau bà H cho ông P mượn một khoản tiền để tổ chức đám cưới. Do ông P không có tiền trả nên ông P thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất này cho để trả nợ cho bà H khoản tiền chuộc đất và khoản tiền tổ chức đám cưới. Năm 2022, ông P có nhu cầu mở quán cà phê nên bà H đồng ý sang tên cho ông P. Ông P đồng ý đưa 350.000.000 đồng chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng từ ngân hàng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện sang tên, do xảy ra mâu thuẫn nên bà H đã trả lại ông P 350.000.000 đồng, ông P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Bà Huỳnh Ngọc H không đồng ý trả lại thửa 169, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 248,7 m^2 và chia thừa kế diện tích 7000 m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 53, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim P1 trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của bà Huỳnh Ngọc H, không có ý kiến trình bày bổ sung.

Tại bản án số 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 Toà án nhân dân huyện C đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P về việc yêu cầu bà Huỳnh Ngọc H trả lại thửa đất 169, tờ bản đồ số 12, diện tích 228,3 m^2 (thực đo) và yêu cầu hưởng thừa kế diện tích 6.414 m^2 (thực đo) thuộc một phần thửa 53, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 04/10/2023, ông Huỳnh Tấn P kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số: 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 Toà án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Tấn P trình bày ý kiến:

Ông Huỳnh Tấn P trình bày chỉ cho bà H mượn hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 169 và thửa số 53 để vay vốn ngân hàng mua máy cắt, sau 05 năm bà H sẽ trả đất lại. Bà H cho rằng thửa số 169 ông P chuyển nhượng cho bà để trừ nợ của bà lúc ông P cưới và chuộc đất của bà T2, còn thửa số 53 ông P đã tặng cho bà H. Lời trình bày của ông P có căn cứ vì trong hồ sơ vụ án có lời khai của bà H thừa nhận ông P sang tên cho bà H để bà vay tiền ngân hàng mua máy cắt lúa. Đồng thời tại bản ghi âm mà ông P lập vi bằng nộp cho Tòa án có nhiều tình tiết ông P cho bà H mượn đất, như tại trang 6 bà H nói đất này bà giữ cho ông P, bà không lấy… dù bản ghi âm không nhắc rõ thửa đất, vị trí đất nhưng không ảnh hưởng nội dung vì hai người chỉ tranh chấp hai thửa số 53 và thửa số 169. Bà H thừa nhận giọng nói trong bản ghi âm là của bà. Đối với thửa số 169 ông P không thừa nhận có chuyển nhượng cho bà H, ông P có ký tên nhưng không đọc, không xem nội dung, ông P cũng không thừa nhận có việc cầm đất cho bà T2 và việc nợ tiền của bà H, bà H cũng không chứng minh được những việc trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 Toà án nhân dân huyện C theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Ngọc H trình bày ý kiến:

Đối với thửa đất 169 ông P đã cầm cho bà T2 bằng 50.000.000 đồng được thể hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng giữa ông P với bà T2, bà H đã chuộc đất lại cùng với số tiền 50.000.000 đồng ông P nợ bà H để tổ chức đám cưới, do ông P không có tiền trả nên ông P thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất này cho để trả nợ cho bà H, hợp đồng đã được thực hiện và bà H đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 53 ông P và bà P1 đã thực hiện thủ tục tặng cho lại cho bà H, hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật. Việc ông P cho rằng không có nhận tiền là không đúng, vì thời gian ông P ăn học do bà P1, bà H đã bỏ chi phí để lo cho ông P. Ông P yêu cầu chia thừa kế là không có cơ sở vì thửa đất 53 không còn là di sản. Đối với thửa đất 169, việc ông P bỏ tiền ra Ngân hàng là ông P muốn chuộc đất nên bỏ tiền ra, sau đó bà H không chuyển nhượng nên đã trả tiền 350.000.000 đồng lại cho ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 Toà án nhân dân huyện C.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần đối với thửa số 53, vì lời khai của bà H, bà P1 thừa nhận việc tặng cho đất bà H để cho bà H vay tiền Ngân hàng mua máy cắt lúa, không phải là cho luôn, cần buộc bà H trả lại một phần thửa số 53 cho ông P. Đối với thửa số 169, ông P làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà H, hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật, bà H đã đứng tên quyền sử dụng đất, ông P không chứng minh được việc cho bà H đứng tên đất để vay vốn Ngân hàng, không chấp nhận kháng cáo của ông P đối với thửa số 169.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số: 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 Toà án nhân dân huyện C theo nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và tranh chấp chia tài sản chung, bị đơn và đất tranh chấp toạ lạc tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên Toà án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Đối với thửa số 169, tờ bản đồ số 12 ông Huỳnh Tấn P thừa nhận đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Huỳnh Ngọc H được công chứng tại Văn phòng C1 vào ngày 15/9/2014, việc chuyển nhượng này là có thật, các bên tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, đã được đăng ký vào sổ bộ địa chính và bà H đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/11/2014, quá trình cấp quyền sử dụng đất cho bà H không có phát sinh tranh chấp nên hợp đồng này là hợp pháp. Năm 2022 do có nhu cầu mở quán cà phê trên thửa số 169, ông P đã thỏa thuận với bà H việc sang tên đất và ông P đã trả ngân hàng 350.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục sang tên lại, nhưng không thực hiện, bà H đã trả số tiền 350.000.000 đồng cho ông P xong. Do đó ông P yêu cầu bà H trả lại thửa số 169 là không có căn cứ.

[3] Đối với thửa số 53: Ngày 18/6/2014, hàng thừa kế của cụ Sơn Thị T1 gồm Huỳnh Thị Kim P1, Huỳnh Ngọc H, Huỳnh Tấn P xác lập văn bản phân chia di sản thừa kế đối với thửa số 53 được cấp cho hộ cụ T1. Thời điểm xác lập văn bản phân chia di sản thừa kế, về trình tự thủ tục đã thực hiện đúng theo quy định. Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Kim P1, Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Tấn P vào ngày 04/6/2015. Như vậy thửa đất trên không còn là di sản thừa kế của cụ T1 mà đã chuyển thành tài sản chung của bà P1, bà H, ông P. Ông P khởi kiện chia di sản thừa kế thực chất là yêu cầu được chia tài sản chung.

[4] Ngày 16/6/2015 ông Huỳnh Tấn P, bà Huỳnh Thị Kim P1 tự nguyện lập hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho bà Huỳnh Ngọc H. Quá trình giải quyết ở cấp

sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho bà P1 xác định hợp đồng tặng cho là hợp pháp, bà P1 đã được cụ T1 chia đất cho trước đó nên không có yêu cầu được phân chia đối với thửa đất số 53. Đối với việc bà P1 trả tiền Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 53 về làm thủ tục lập văn bản phân chia di sản thừa kế, bà P1 cũng không có yêu cầu trả lại.

[5] Đối với đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp, bà H thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà, nhưng đoạn ghi âm này có cắt ghép, bà yêu cầu giám định đoạn ghi âm. Vấn đề này ông P đã xác nhận tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm là "ông ghi âm bằng điện thoại, phần nào ông thấy cần thiết thì ông ghi lại, phần nào không cần thiết thì ông tạm dừng", cho thấy việc ghi âm không khách quan, không phản ánh trung thực nội dung trao đổi nên không cần thiết phải trưng cầu giám định. Đồng thời theo nội dung trong đoạn ghi âm được thể hiện tại Vi bằng số 28/2024/VB-TPLHĐ ngày 26/3/2024 của Văn phòng T3 cũng không xác định được cụ thể đối với các thửa đất đang tranh chấp là thửa đất nào; không có nội dung bà H thừa nhận mượn quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng. Do đó cũng không đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu của ông P.

[6] Lời khai bà Huỳnh Ngọc H, bà Huỳnh Thị Kim P1 đều thừa nhận việc ông P, bà P1 làm thủ tục tặng cho đất bà H mục đích để bà H thế chấp Ngân hàng mua máy cắt lúa (BL64, 70,74). Bà H, bà P1 có lời khai xác nhận do ba người đứng tên trên giấy nên khó khăn trong việc vay vốn (BL 72). Như vậy ông P khai sang tên thửa số 53 cho bà H mục đích thực chất nhằm để bà H thuận tiện vay tiền Ngân hàng, không phải cho luôn là có cơ sở. Theo đơn khởi kiện ông P yêu cầu được hưởng diện tích 7.000m^2 đất của thửa số 53, kết quả đo đạc tổng diện tích đất của thửa số 53 có diện tích 14.896m^2, phần đất theo yêu cầu của ông P có diện tích 6.414m^2, ông P cũng đồng ý nhận phần đất này; tại phiên tòa phúc thẩm ông P và người đại diện cho bà H, bà P1 cùng khai trên phần diện tích 6.414m^2 là đất trống, không có công trình vật kiến trúc, hoa màu trên đất nên Hội đồng xét xử công nhận diện tích 6.414m^2 thuộc một phần của thửa số 53 cho ông Huỳnh Tấn P là có căn cứ.

[7] Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Tấn P là có căn cứ chấp nhận một phần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[8] Xét quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[9] Xét quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[10] Xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tòa án phúc thẩm tính lại án phí sơ thẩm, tuy nhiên do ông Huỳnh Tấn P, bà Huỳnh Ngọc H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông P, bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Tấn P.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 Toà án nhân dân huyện C.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P về việc yêu cầu bà Huỳnh Ngọc H trả lại thửa số 169, tờ bản đồ số 12, diện tích 228,3 m^2 tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P về việc yêu cầu hưởng diện tích 6.414 m^2 (thực đo) thuộc một phần thửa số 53, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Buộc bà Huỳnh Ngọc H, ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị Kim P1, ông Ngô C, Ngô Huỳnh N2, Ngô Hoàng N1 có trách nhiệm giao cho ông Huỳnh Tấn P diện tích 6.414 m^2 (thực đo) thuộc một phần thửa số 53, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vị trí tứ cận thửa đất như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 53 kích thước 107,42m

- Hướng Tây giáp thửa 26 kích thước 19,79m; giáp thửa 38 kích thước 20,17m; giáp thửa 39 kích thước 33,56m; giáp thửa 46 kích thước 33,81m.

- Hướng Nam giáp đường đất kích thước 67,80m

- Hướng Bắc giáp thửa 14 kích thước 49,88

Ông Huỳnh Tấn P có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại phần diện tích còn lại của thửa số 53 cho bà H sau khi trừ đi phần diện tích cấp cho ông P.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Tấn P mỗi người phải chịu 3.452.500 đồng. Số tiền này ông P đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên ông P không phải nộp tiếp. Buộc bà H phải nộp lại số tiền 3.452.500 đồng hoàn trả cho ông P.

5. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Tấn P.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Ái Loan